TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NAM** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/HS-ST
Ngày 16 - 02 -2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Chung, ông Chu H Văn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 112/2023/TLST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2023/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 12 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên Tăng Văn T, **sinh năm 1993**. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố MC, thị trấn ĐN, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 8/12. Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không. Con ông Tăng Văn Bình và bà Nguyễn Thị Thắm, Gia đình bị cáo có 02 anh chị em ruột, bản thân là thứ hai trong gia đình. Vợ Vũ Thị Mận, sinh năm 1995. Bị cáo có 01 con sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/8/2023 đến ngày 16/11/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho "Bảo lĩnh". Hiện bị cáo đang tại ngoại. Có m ặt tại phiên toà.

2**. Họ và tên: Trịnh Văn N, sinh năm 1998**. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Triệu, xã Đan Hội, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 8/12. Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không. Con ông Trịnh Văn Sửu và bà Lưu Thị Mộc. Bị cáo là con duy nhất trong gia đình. Bị cáo chưa có vợ và con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/8/2023 đến ngày 16/11/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho“Bảo lĩnh”. Hiện bị cáo đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

Cháu Lò Thị H, sinh năm 2007 (vắng mặt)

Địa chỉ: Bản Cuông, xã Quài Cang, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

Người có quyền lợi N vụ liên quan:

Anh Lò Văn P, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Bản Cuông, xã Quài Cang, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

Anh Dương Đức Đ, sinh năm 2002 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đồi Gai, xã Chu Điện, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Cháu Leo Hoàng Kiều O, sinh năm 2009 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Núi Lều, xã Giáp Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 17 giờ 50 phút ngày 16/8/2023, tại trước cổng Công ty may Lục Nam thuộc tổ dân phố Thanh Xuân, thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, Công an huyện Lục Nam bắt quả tang Tăng Văn T, sinh năm 1993 ở tổ dân phố MC, thị trấn ĐN, huyện Lục Nam và Trịnh Văn N, sinh năm 1998 ở thôn Triệu, xã Đan Hội, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang đang có hành vi cưỡng đoạt số tiền 8.000.000 đồng của chị Lò Thị H, sinh ngày 10/6/2007, trú tại Bản Cuông, xã Quài Cang, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên. Quá trình bắt quả tang còn có anh Bạc Cầm Thi, sinh năm 2003, trú tại Bản Nà Sáy 1, xã Nà Sát, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên và chị Leo Hoàng Kiều O, sinh ngày 27/4/2009, trú tại thôn Núi Lều, xã Giáp Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang (là bạn của T và N) có mặt.

Vật chứng thu giữ: Số tiền 8.000.000 đồng; 01 điện thoại Iphone 13 Pro Max của Trịnh Văn N; 01 xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5, biển kiển soát (BKS) 98A-535.77; 01 điện thoại nhãn hiệu Xiaomi màu đen; số tiền 61.700.000 đồng của Tăng Văn T; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6S Plus của Bạc Cầm Thi.

Ngày 17/8/2023, Nguyễn Viết Hợp, sinh năm 1984 ở thôn Đức Tiến, xã Đông Phú, huyện Lục Nam (là quản lý nhà nghỉ Hoàng Kim) giao nộp: 01 Hợp đồng lao động, 01 tờ khai thay đổi thông tin cư trú, 01 bản cam đoan, 01 giấy vay tiền của chị Lò Thị H, 01 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh dO số 20H80015038 (bản phô tô), 01 giấy chứng nhận đủ điều kiện an ninh trật tự (bản phô tô), 01 biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy chữa cháy (bản phô tô). Ngày 10/11/2023,

ông Tăng Văn Bình, sinh năm 1971 (là bố của Tăng Văn T) giao nộp: 01 đăng ký xe ô tô Mazda CX5, BKS 98A- 535.77.

Khám xét khẩn cấp nhà nghỉ Hoàng Kim ở thôn Hố Trúc, xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam do Tăng Văn T quản lý, kết quả không thu giữ đồ vật, tài sản gì liên quan đến vụ án.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết trên giấy vay tiền đã thu giữ. Tại Kết luận giám định số 2160/KL-KTHS ngày 08/11/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang, kết luận: Chữ ký dạng chữ viết, chữ viết có nội dung "O – Leo Hoàng Kiều O" dưới mục "Người làm chứng" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết của Leo Hoàng Kiều O trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M5, M6, M7) là do cùng một người ký, viết ra; Chữ ký dạng chữ viết, chữ viết trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A – trừ nội dung đã kết luận ở trên) so với chữ ký, chữ viết của Lò Thị H trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M4) là do cùng một người ký, viết ra.

Tại Cơ quan điều tra các đối tượng khai nhận: Khoảng tháng 5 năm 2023, Tăng Văn T có kinh dO quán Massage Thanh Nga và nhà nghỉ Hoàng Kim ở thôn Hố Trúc, xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam. Quá trình kinh dO T thuê Trịnh Văn N, sinh năm 1998, trú tại thôn Triệu, xã Đan Hội, huyện Lục Nam; anh Tòng Văn Cường, sinh năm 2002, trú tại bản Sáng, xã Quài Cang, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; anh Nguyễn Viết Hợp, sinh năm 1984, trú tại thôn Đức Tiến, xã Đông Phú, huyện Lục Nam; anh Bạc Cầm Thi, sinh năm 2003, trú tại Bản Nà Sáy 1, xã Nà Sát, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên và một người thanh niên tên Dung ở huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên (không rõ cụ thể họ tên, địa chỉ) làm nhân viên, quản lý. Theo T khai khoảng đầu tháng 8 năm 2023, Dung nói với T có quen biết chị Lò Thị H, sinh 10/6/2007, trú tại Bản Cuông, xã Quài Cang, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên đang có nhu cầu tìm việc nên Dung giới thiệu chị H đến làm nhân viên dọn dẹp nhà nghỉ cho T, T đồng ý. Khoảng 19 giờ ngày 10/8/2023, chị H bắt xe khách từ huyện Tuần Giáo về Bắc Giang. Khi lên xe chị H vay nhà xe 5.000.000 đồng rồi gửi anh Lò Văn Phương, sinh năm 2005, trú tại bản Xôm, xã Quài Tở, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên (là bạn trai) chuyển cho gia đình chị H (chị H nói với nhà xe cho vay 5.000.000 đồng, khi đến Bắc Giang thì bạn H sẽ thanh toán trả tiền cho nhà xe nên nhà xe đồng ý). Đến khoảng 07 giờ ngày 11/8/2023, chị H đến bến xe khách Bắc Giang, chị H liên lạc với Dung để ra đón. Sau đó, Dung cùng T đi xe ô tô Mazda CX5 BKS 98A- 535.77 (là xe T mượn của anh Nguyễn Phú Vững, sinh năm 1991 trú tại tổ dân phố Bình Minh, thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam) đến bến xe khách Bắc Giang đón chị H và anh Tòng Văn Cường (Cường cũng từ nhà xuống bến xe Bắc Giang để đến làm cho T). T thanh toán cho nhà xe số tiền 5.650.000 đồng (5.000.000 đồng là tiền chị H vay trước đó, còn 650.000 đồng là tiền cước xe) rồi T cùng chị H, Dung, Cường đi về nhà nghỉ Hoàng Kim. Tại nhà nghỉ, T và chị H thỏa thuận ký hợp đồng chị H làm công việc "đấm lưng, tẩm quất, xoa bóp, dọn dẹp" với mức lương là 4.000.000 đồng/ 01 tháng nếu phá hợp đồng thì chị H bị phạt 10.000.000 đồng. Đến đêm ngày 11/8/2023, chị H kêu đau bụng và bảo T đưa đi khám nhưng T không đồng ý nên giữa chị H và T xảy ra cãi nhau, T dùng tay tát

vào mặt chị H nên chị H nói không làm cho T nữa và đòi về nhưng T không đồng ý. Đến tối ngày 13/8/2023, T bảo N là H đang nợ tiền và bảo N trông coi (mục đích không cho H trốn về khi chưa trả tiền cho T). Sau đó T bảo H điện về gia đình mang 30.000.000 đồng xuống để trả nợ rồi T thu điện thoại của chị H. Đến tối ngày 15/8/2023, T đưa điện thoại cho chị H rồi tiếp tục yêu cầu chị H điện về cho gia đình mang số tiền 18.000.000 đồng xuống trả nợ cho T. Chị H tiếp tục gọi điện cho ông Lò Văn P, sinh năm 1985 (là bố đẻ) nhưng ông P nói không đủ tiền để trả, chị H nói lại thì T yêu cầu H chỉ phải trả số tiền 8.000.000 đồng, chị H nói lại với ông P thì ông P đồng ý. Sau đó, ông P gọi điện cho anh Dương Đức Đ, sinh năm 2002, trú tại thôn Đồi Gai, xã Chu Điện, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (là người quen của ông P) và chuyển khoản cho anh Đ số tiền 8.000.000 đồng để nhờ trả nợ cho chị H. Đến chiều ngày 16/8/2023 (trước khi đi gặp gia đình chị H), T nhờ chị Leo Hoàng Kiều O đọc cho chị H viết giấy vay nợ số tiền 30.000.0000 đồng và để chị O ký vào mục người làm chứng (mục đích gia đình H không trả thì sẽ trình báo việc nợ tiền). Đến khoảng 17 giờ 50 phút cùng ngày, khi T và N cùng chị Leo Hoàng Kiều O và anh Bạc Cầm Thi đưa H đến cổng Công ty may Lục Nam, rồi T, N giao chị H cho anh Đ, anh Đ đưa cho chị H số tiền 8.000.000 đồng để đưa lại cho T, N. Khi N cầm số tiền trên tay thì bị Công an huyện Lục Nam kiểm tra và bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Đối với người thanh niên tên Dung, anh Tòng Văn Cường, anh Nguyễn Viết Hợp, anh Bạc Cầm Thi và chị Leo Hoàng Kiều O, quá trình điều tra xác định không biết, không liên quan đến hành vi phạm tội của T và N. Việc T dùng tay tát một cái vào mặt chị H nhưng không gây thương tích, chị H cũng không yêu cầu đề nghị nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với số tiền 8.000.000 đồng của chị H và chiếc điện thoại Iphone 6S Plus của Bạc Cầm Thi, không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại số tài sản trên cho chị H và anh Thi.

Đối với chiếc xe ô tô Mazda CX5, BKS 98A- 535.77 thu giữ khi bắt quả tang, quá trình điều tra xác đinh là tài sản của anh Nguyễn Phú Vững cho T mượn. Anh Vững không biết T dùng xe ô tô vào việc phạm tội nên đã xử lý vật chứng trả lại chiếc xe ô tô trên cho anh Vững cùng đăng ký xe ô tô và không đề cập xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết vụ án Tăng Văn T và Trịnh Văn N đã bồi thường cho chị H số tiền 15.000.000 đồng. Chị H đã nhận tiền và không yêu cầu bồi thường gì thêm, đồng thời có đơn xin giảm nhẹ cho các bị cáo.

Về vật chứng: Đối với 01 hợp đồng lao động, 01 tờ khai thay đổi thông tin cư trú, 01 bản cam đoan, 01 giấy vay tiền, 01 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh dO số 20H80015038 (bản phô tô), 01 giấy chứng nhận đủ điều kiện an ninh trật tự (bản phô tô), 01 biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy chữa cháy (bản phô tô) được lưu trong hồ sơ vụ án; còn 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max của Trịnh Văn N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiao Mi màu đen và số tiền 61.700.000 đồng của Tăng Văn T, Cơ quan điều tra chuyển xử lý cùng vụ án.

Tại Cơ quan điều tra Tăng Văn T, Trịnh Văn N đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên

Bản Cáo trạng số 111/CT-VKS ngày 30/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam đã truy tố bị cáo Tăng Văn T và Trịnh Văn N về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo T bị cáo N thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố. Các bị cáo thừa nhận Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam đã truy tố đúng người, đúng tội, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xử phạt mức án thấp nhất theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang giữ nguyên quan điểm như bản Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 điều 170 điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 58, Điều 65 BLHS năm 2015,

Xử phạt bị cáo Tăng Văn T từ 18 - 24 tháng tù về tội " Cưỡng đoạt tài sản".nhưng cho hưởng án treo, phải chịu thời gian thử thách 36 - 48 tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Tăng Văn T cho UBND TT Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách

Xử phạt bị cáo Trịnh Văn N từ 12 - 18 tháng tù về tội " Cưỡng đoạt tài sản" nhưng cho hưởng án treo, phải chịu thời gian thử thách 24 - 36 tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Trịnh Văn N cho UBND xã Đan Hội, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Phạt bổ sung mỗi bị cáo 10.000.000đ sung quỹ Nhà nước.

Về vật chứng của vụ án: Trả lại bị cáo N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max. Nhưng tạm giữ để đảm bảo Thi hành án.

Trả lại bị cáo T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiao Mi màu đen và số tiền 61.700.000 đồng. Nhưng tạm giữ để đảm bảo Thi hành án.

Về án phí: Bị cáo N, T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Các bị cáo không có ý kiến gì tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng: Bị cáo T, bị cáo N xin được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hội đồng xét xử xét thấy hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng,

người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

2. Về tố tụng: Tại phiên tòa, người bị hại, người có quyền lợi N vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của những người bị hại, người liên quan không ảnh hưởng đến kết quả xét xử. Căn cứ quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án.

3. Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo T, bị cáo N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi N vụ liên quan, vật chứng thu được và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy đã có đủ cơ sở kết luận:

Từ ngày 13/8/2023 đến 16/8/2023, Tăng Văn T cùng Trịnh Văn N ép buộc chị Lò Thị H, sinh ngày 10/6/2007, trú tại Bản Cuông, xã Quài Cang, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên điện thoại về gia đình mang tiền xuống huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang để trả cho T thì T cho chị H về. Đến 17 giờ 50 phút ngày 16/8/2023, tại trước cổng Công ty may Lục Nam thuộc tổ dân phố Thanh Xuân, thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam khi Tăng Văn T và Trịnh Văn N đang nhận số tiền 8.000.000 đồng của chị Lò Thị H thì bị Công an huyện Lục Nam kiểm tra, bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Như vậy, hành vi của Tăng Văn T và Trịnh Văn N đủ yếu tố cấu thành của tội Cưỡng đoạt tài sản. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo là người đủ tuổi, đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật hình sự. Việc các bị cáo bị truy tố, xét xử ngày hôm nay với tội danh và điều luật viện dẫn ở trên là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

4. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Những ai xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác, đáp ứng quy định của pháp luật hình sự sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu, của chị Lò Thị H mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó cần phải xử lý về hình sự để giáo dục bị cáo trở thành công dân biết tuân thủ pháp luật. Cần có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo. Giữa các bị cáo cùng là người thực hành nên được coi là đồng phạm giản đơn. Trong đồng phạm giản đơn, bị cáo T là người chủ mưu, N với vai trò giúp sức nên bị cáo T phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo N.

5. Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Hội đồng xét xử thấy:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Sau khi phạm tội bị cáo Tăng Văn T và bị cáo

Trịnh Văn N thành khẩn khai báo ăn năn hối cải các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại và các bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai nên bị cáo đã đến cơ quan Công an đầu thú. Do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, để giảm nhẹ cho các bị cáo khi lượng hình thể hiện sự khoan H của pháp luật xã hội chủ N.

Từ những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, bị cáo nêu trên. HĐXX xét thấy việc các bị cáo không hiểu biết pháp luật chỉ muốn giữ chị H ở lại để làm việc bù vào số tiền bị cáo đã đưa cho chị H nên các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội do vậy cần phải xem xét cho các bị cáo cơ hội sửa sai là không bắt các bị cáo cách ly ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ giáo dục riêng đối với bị cáo và góp phần răn đe phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

Về hình phạt bổ sung bằng tiền: Đại diện VKS đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Do các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, nên HĐXX thấy không cần áp dụng khoản 5 Điều 170 Bộ luật hình sự để phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

Về mức án mà vị đại diện VKSND huyện Lục Nam đề nghị áp dụng, tuyên phạt đối với bị cáo là phù hợp và tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Đối với người thanh niên tên Dung, anh Tòng Văn Cường, anh Nguyễn Viết Hợp, anh Bạc Cầm Thi và chị Leo Hoàng Kiều O, quá trình điều tra xác định không biết, không liên quan đến hành vi phạm tội của T và N. Việc T dùng tay tát một cái vào mặt chị H nhưng không gây thương tích, chị H cũng không yêu cầu đề nghị nên HĐXX không xử lý.

Đối với số tiền 8.000.000 đồng của chị H và chiếc điện thoại Iphone 6S Plus của Bạc Cầm Thi, không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại số tài sản trên cho chị H và anh Thi.

Đối với chiếc xe ô tô Mazda CX5, BKS 98A- 535.77 thu giữ khi bắt quả tang, quá trình điều tra xác đinh là tài sản của anh Nguyễn Phú Vững cho T mượn. Anh Vững không biết T dùng xe ô tô vào việc phạm tội nên đã xử lý vật chứng trả lại chiếc xe ô tô trên cho anh Vững cùng đăng ký xe ô tô HĐXX không xử lý.

6. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết vụ án Tăng Văn T và Trịnh Văn N đã bồi thường cho chị H số tiền 15.000.000 đồng. Chị H đã nhận tiền và không yêu cầu bồi thường gì thêm, đồng thời có đơn xin giảm nhẹ cho các bị cáo nên HĐXX không xem xét.

7. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, Khoản 2, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đối với điện thoại của các bị cáo và số tiền HĐXX quyết định trả lại các bị cáo: Trả lại bị cáo N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max.

Trả lại bị cáo T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiao Mi màu đen và số tiền 61.700.000 đồng. Nhưng tạm giữ để đảm bảo THA.

8. Về án phí: Bị cáo N, bị cáo T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST.

9. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi N vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51, Điều 17; Điều 58, Điều 65 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Tăng Văn T 01 năm 06 tháng tù về tội " Cưỡng đoạt tài sản" nhưng cho hưởng án treo, phải chịu thời gian thử thách 03 năm kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Tăng Văn T cho UBND TT Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách

Xử phạt bị cáo Trịnh Văn N 01 năm tù về tội " Cưỡng đoạt tài sản" nhưng cho hưởng án treo, phải chịu thời gian thử thách 02 năm kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Trịnh Văn N cho UBND xã Đan Hội, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Hậu quả của việc vi phạm N vụ trong thời gian thử thách:

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm N vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, Khoản 2, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại bị cáo N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max.

Trả lại bị cáo T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiao Mi màu đen và số tiền 61.700.000 đồng. Nhưng tạm giữ để đảm bảo THA.

3. Về án phí: Áp dụng điều 136, BLTTHS. điều 21, điều 12, điều 21 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo N, T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Bị hại, người có quyền lợi N vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống Đ bản án hoặc niêm yết công khai./.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Công an huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi N vụ liên quan.
-UBND TT Đồi Ngô, UBND xã Đan Hội.
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lự

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 26 tháng 9 năm 2023;

Tại: Phòng nghị án, Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Chung, bà Đỗ Thị Hoài Mơ.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 69/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn Minh, sinh năm 1994;

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Huê Vận 2, xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

- Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Vụ án có thuộc trường hợp tạm đình chỉ hoặc thuộc trường hợp trả hồ sơ để điều tra bổ sung hay không:

Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ, không thuộc trường hợp trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.

2. Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; Bị can, bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp là hợp pháp:

Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều hợp pháp.

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.

3. Có căn cứ kết tội bị cáo:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51, Điều 38 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.

4. Hình phạt, biện pháp tư pháp áp dụng đối với bị cáo; trách nhiệm bồi thường thiệt hại; vấn đề dân sự trong vụ án hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Minh 07 tháng tù, về tội " Trộm cắp tài sản" thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 30/6/2023. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.

5. Bị cáo có thuộc trường hợp miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt hay không:

Bị cáo không thuộc trường hợp miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt.

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.

6. Án phí hình sự, án phí dân sự, xử lý vật chứng:

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, Khoản 1, Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, Khoản 2, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại bị cáo Minh 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA màu đen, số seri 350618542067868 nhưng tạm giữ để đảm bảo Thi hành án.

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.

7. Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố xét xử:

Các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định.

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.

8. Kiến nghị phòng ngừa tội phạm, khắc phục vi phạm: Không.

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.

9. Các vấn đề khác:

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Văn Minh phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Bị hại, người có quyền lợi N vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống Đ bản án hoặc niêm yết công khai./.

* **Biện pháp bảo đảm thi hành án:** Không áp dụng.

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 26 tháng 9 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Chung Đỗ Thị Hoài Mơ Nguyễn Thị Lự

TAND HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Lục Nam, ngày 15 tháng 12 năm 2022

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hữu Thái, ông Nguyễn Văn Chấn.

Căn cứ vào Điều 199 và 222 của Bộ luật tố tụng hình sự; Vào hồi giờ phút ngày 15 tháng 12 năm 2022, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án Vi Văn Ánh bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam truy tố về tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa; Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

1. Về tội danh: Xử phạt bị cáo Vi Văn Ánh phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Kết quả biểu quyết 03/03 = 100%

2. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 khoản 2 điều 51, điểm g khoản 1 điều 52 Điều 38 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Kết quả biểu quyết 03/03 = 100%

3. Về mức hình phạt:

Xử phạt bị cáo Vi Văn Ánh 01 năm 03 tháng tù, về tội " Trộm cắp tài sản" thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 14/9/2022. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo THA.

Kết quả biểu quyết 03/03 = 100%

4. Các vấn đề khác:

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự:

Tịch thu sung công qũy Nhà nước của bị cáo Ánh 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO và 01 ốp điện thoại.

Tịch thu tiêu hủy: 01 thanh kim loại hình trụ tròn có kích thước (85x4)cm.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí HSST cho bị cáo Vi Văn Ánh.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Bị hại, người có quyền lợi N vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống Đ bản án hoặc niêm yết công khai./.

Kết quả biểu quyết 03/03 = 100%.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Thái **Nguyễn Văn Chấn** **Nguyễn Thị Lự**